

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-3-2022
Về việc Ly hôn và con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đắc Hân

2. Ông Phạm Công Hạ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Bùi Đức T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Bắc Vang, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Chị Đinh Thị Đ, sinh năm 1984; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bắc Vang, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; địa chỉ nơi ở hiện nay: Bản Lụ 2, xã PS, thị xã NL, tỉnh Yên Bái; vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Bùi Đức T trình bày: Anh và chị Đinh Thị Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng vào năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn Bắc Vang, xã DQ,

huyện TN, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không thống nhất được với nhau chuyện làm ăn kinh tế cũng như nuôi dạy con cái. Mâu thuẫn giữa anh và chị Đinh Thị Đ đã được gia đình hòa giải nhưng không thành, trình trạng mâu thuẫn vợ chồng không thay đổi. Do mâu thuẫn nên anh và chị Đinh Thị Đ đã ly thân từ đó đến nay không còn quan T đến nhau nữa. Anh Bùi Đức T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng Đ tụ, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đinh Thị Đ.

Về con chung: Anh và chị Đinh Thị Đ có 01 con chung tên Bùi Gia Bảo, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2013. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh Bùi Đức T là người trực tiếp nuôi con nên khi ly hôn để ổn định cuộc sống của con, anh Bùi Đức T đề nghị được tiếp tục nuôi con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để anh và chị Đinh Thị Đ tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Đinh Thị Đ không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Đơn đề nghị đề ngày 26 tháng 11 năm 2021, bị đơn là chị Đinh Thị Đ trình bày: Chị đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Chị Đinh Thị Đ thừa nhận chị và anh Bùi Đức T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, do mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, không ai còn quan T đến ai nữa. Nay anh Bùi Đức T xin ly hôn, để ổn định cuộc sống của chị và anh Bùi Đức T nên chị đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị và anh Bùi Đức T có 01 con chung tên Bùi Gia Bảo, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2013, chị đồng ý để anh Bùi Đức T tiếp tục nuôi con. Về tài sản chung, chị và anh Bùi Đức T không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc bận nên chị Đinh Thị Đ đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Bùi Đức T và bị đơn chị Đinh Thị Đ đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bùi Đức T được ly hôn chị Đinh Thị Đ; Về con chung: Giao con chung tên Bùi Gia Bảo, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2013 cho anh Bùi Đức T nuôi dưỡng chăm sóc, cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Đức T không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết; Về tài sản

chung: Anh Bùi Đức T và chị Đinh Thị Đ thống nhất không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao chứng minh nhân dân của anh Bùi Đức T và chị Đinh Thị Đ; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Trích lục kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã DQ; Biên bản xác minh tại Công an xã DQ; Biên bản xác minh tại gia đình anh Bùi Đức T; Đơn đề nghị của chị Đinh Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Bùi Đức T và bị đơn chị Đinh Thị Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt. **Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự**, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Đức T và chị Đinh Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DQ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84, ngày 25 tháng 10 năm 2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân nhau. Nay anh Bùi Đức T xác định tình cảm vợ chồng không còn và để ổn định cuộc sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đinh Thị Đ. Tài liệu xác nhận tại địa phương xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng và gia đình anh Bùi Đức T thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Bùi Đức T và chị Đinh Thị Đ đã kéo dài và không còn khả năng Đ tị được nữa. Anh Bùi Đức T xin ly hôn, chị Đinh Thị Đ đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của anh Bùi Đức T. Điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa anh Bùi Đức T và chị Đinh Thị Đ không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng và không còn khả năng Đ tị được nữa. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Đức T cho anh Bùi Đức T được ly hôn chị Đinh Thị Đ.

[3]. Về con chung: Anh Bùi Đức T và chị Đinh Thị Đ có 01 con chung tên Bùi Gia Bảo, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2013. Khi ly hôn vì hiện nay con chung còn nhỏ để con ổn định cuộc sống, nên anh Bùi Đức T đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và con chung cũng có nguyện vọng muốn ở với anh Bùi Đức T. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình anh Bùi Đức T xác định kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con chung do anh Bùi Đức T trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc đảm bảo tốt về mọi mặt, hơn nữa, chị Đinh Thị Đ cũng đồng ý để anh Bùi Đức T được tiếp tục nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con Bùi Gia Bảo, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2013 cho anh Bùi Đức T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi: Anh Bùi Đức T trình bày để anh Bùi Đức T và chị Đinh Thị Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, chị Đinh Thị Đ không có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung:

Anh Bùi Đức T và chị Đinh Thị Đ đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Anh Bùi Đức T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bùi Đức T được ly hôn chị Đinh Thị Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Gia Bảo, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2013 cho anh Bùi Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Đức T không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh Bùi Đức T và chị Đinh Thị Đ thống nhất không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Bùi Đức T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Bùi Đức T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007508 ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN thành phố Hải Phòng.

Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Hạ Hoàng Đắc Hân

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã DQ, h. TN, Tp Hải Phòng;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

g;
y Nguyên;
ện Thủy Nguyên;
huyện TN;
n.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Phù Ninh, huyện TN;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Quảng Thanh, huyện TN;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị SỰ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Lập Lễ, huyện TN;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện TN, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

